

cũng đã được phê duyệt như quy định đối với dự án nhóm A thì các trường hợp đó không phải trình duyệt lại; các bước tiếp theo được thực hiện theo quy định như đối với dự án nhóm B./

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN MẠNH KIỂM

THÔNG TƯ số 15/2000/TT-BXD ngày 13/11/2000 hướng dẫn các hình thức quản lý thực hiện dự án đầu tư và xây dựng.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước ngành Xây dựng theo Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP;

Bộ Xây dựng hướng dẫn các hình thức quản lý thực hiện dự án đầu tư và xây dựng như sau:

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Căn cứ quy mô, tính chất của dự án và năng lực của mình, Chủ đầu tư lựa chọn một trong các hình thức quản lý thực hiện dự án sau:

1.1. Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án;

1.2. Chủ nhiệm điều hành dự án;

1.3. Chìa khóa trao tay;

1.4. Tự thực hiện dự án.

2. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, Chủ đầu tư phải trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định hình thức quản lý thực hiện dự án; đối với các dự án sử dụng các nguồn vốn khác, Chủ đầu tư quyết định hình thức quản lý thực hiện dự án.

Chi phí quản lý thực hiện dự án đầu tư và xây dựng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2000/TT-BXD ngày 17/7/2000 của Bộ Xây dựng và được tính trong tổng mức đầu tư, tổng dự toán của dự án.

3. Đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp trung ương và địa phương (như các Bộ; cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ; tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện) chỉ làm Chủ đầu tư các dự án xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của cơ quan mình.

Các dự án khác, Chủ đầu tư phải là người trực tiếp quản lý khai thác sử dụng dự án và có đủ trách nhiệm, quyền hạn của chủ đầu tư như quy định tại Điều 14 của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ. Trong trường hợp chưa xác định rõ Chủ đầu tư của dự án thì người có thẩm quyền quyết định đầu tư giao cho Ban quản lý dự án chuyên ngành thực hiện chức năng Chủ đầu tư (tùy theo đặc điểm của từng dự án).

II. HÌNH THỨC CHỦ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Hình thức Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án được áp dụng đối với các dự án mà Chủ đầu tư có năng lực chuyên môn phù hợp và có cán bộ chuyên môn để tổ chức quản lý thực hiện dự án theo các trường hợp sau đây:

1. Trường hợp Chủ đầu tư không thành lập Ban quản lý dự án mà sử dụng bộ máy hiện có của mình kiêm nhiệm và cử người phụ trách (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm) để quản lý việc thực hiện dự án.

1.1. Trường hợp này áp dụng đối với dự án nhóm B,C thông thường khi Chủ đầu tư có các phòng, ban chuyên môn về quản lý kỹ thuật, tài chính phù hợp để quản lý thực hiện dự án.

1.2. Yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm đối với những người trực tiếp quản lý thực hiện dự án:

a) Người phụ trách quản lý thực hiện dự án phải có chuyên môn phù hợp với yêu cầu của dự án, quản lý dự án nhóm B phải có bằng đại học trở lên, quản lý dự án nhóm C phải có bằng trung cấp trở lên, có tối thiểu hai năm làm việc chuyên môn.

b) Người quản lý về kỹ thuật của dự án phải có bằng trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp với yêu cầu của dự án, có tối thiểu hai năm làm việc chuyên môn.

c) Người quản lý về kinh tế - tài chính của dự án phải có chuyên môn về kinh tế, tài chính - kế toán, có bằng trung cấp trở lên, có tối thiểu hai năm làm việc chuyên môn.

d) Đối với các dự án ở vùng sâu, vùng xa thì những người trực tiếp quản lý thực hiện dự án nêu trên phải có bằng trung cấp trở lên, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của dự án và có tối thiểu một năm làm việc chuyên môn.

1.3. Chủ đầu tư phải có quyết định giao nhiệm vụ, quyền hạn cho các phòng, ban và cá nhân được cử kiêm nhiệm hoặc chuyên trách quản lý việc thực hiện dự án.

2. Trường hợp Chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án trực thuộc để quản lý thực hiện dự án:

2.1. Trường hợp này áp dụng đối với dự án nhóm A; các dự án nhóm B,C có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc Chủ đầu tư đồng thời quản lý nhiều dự án.

2.2. Ban quản lý dự án được thành lập theo quyết định của Chủ đầu tư và phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

a) Ban quản lý dự án là đơn vị trực thuộc Chủ đầu tư. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý dự án phải phù hợp với trách nhiệm, quyền hạn của Chủ đầu tư quy định tại Điều 14 của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP của Chính phủ, phù hợp với Điều lệ tổ chức hoạt động của Chủ đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Cơ cấu tổ chức của Ban quản lý dự án do Chủ đầu tư quyết định, phải đảm bảo có đủ năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án. Ban quản lý dự án gồm có Trưởng ban, các Phó trưởng ban và các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ giúp việc Trưởng ban.

c) Ban quản lý dự án phải thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên và đầy đủ với Chủ đầu tư. Chủ đầu tư thực hiện việc chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của Ban quản lý dự án và xử lý kịp thời những vấn đề ngoài phạm vi thẩm quyền của Ban quản lý dự án để đảm bảo tiến độ, chất lượng và các yêu cầu khác của dự án.

d) Khi dự án hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng, Ban quản lý dự án đã hoàn thành nhiệm vụ được giao thì Chủ đầu tư ra quyết định giải thể hoặc giao nhiệm vụ mới cho Ban quản lý dự án.

2.3. Khi quyết định hoặc đề nghị bổ nhiệm Trưởng Ban quản lý dự án, người phụ trách kỹ thuật, người phụ trách kinh tế - tài chính của dự án, Chủ đầu tư phải căn cứ vào quá trình công tác và các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn của các cá nhân đó theo yêu cầu tối thiểu như quy định tại điểm 1.2 Mục II của Thông tư này; riêng đối với dự án nhóm A thì Trưởng Ban quản lý dự án, người phụ trách kỹ thuật, người phụ trách kinh tế - tài chính của dự án phải có bằng đại học trở lên, chuyên môn phù hợp với yêu cầu của dự án và đã có hai năm làm việc chuyên môn.

III. HÌNH THỨC CHỦ NHIỆM ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

Chủ nhiệm điều hành dự án là hình thức quản lý thực hiện dự án do một pháp nhân độc lập có đủ năng lực quản lý điều hành dự án thực hiện. Chủ nhiệm điều hành dự án được thực hiện dưới hai hình thức là: Tư vấn quản lý điều hành dự án theo hợp đồng và Ban quản lý dự án chuyên ngành.

1. Tư vấn quản lý điều hành dự án theo hợp đồng:

1.1. Chủ đầu tư không có đủ điều kiện trực tiếp quản lý thực hiện dự án thì thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực để quản lý thực hiện dự án, tổ chức tư vấn đó được gọi là Tư vấn quản lý điều hành dự án.

1.2. Tổ chức tư vấn quản lý điều hành dự án thực hiện các nội dung quản lý dự án theo hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư.

1.3. Những nội dung quản lý thực hiện dự án Chủ đầu tư không thuê tư vấn quản lý điều hành thì Chủ đầu tư thực hiện và quyết định theo nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ đầu tư quy định tại Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Ban quản lý dự án chuyên ngành:

2.1. Hình thức này áp dụng đối với các dự án thuộc các chuyên ngành xây dựng được Chính phủ giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ có xây dựng chuyên ngành (bao gồm Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Tổng cục Bưu điện) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý thực hiện; các dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao các Sở có xây dựng chuyên ngành (tương ứng các Bộ có xây dựng chuyên ngành nêu trên) và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện.

2.2. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Ban quản

lý dự án chuyên ngành phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

a) Ban quản lý dự án chuyên ngành do các Bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của mình.

b) Ban quản lý dự án chuyên ngành có giám đốc, các phó giám đốc và bộ máy thích hợp để quản lý điều hành dự án độc lập.

c) Ban quản lý dự án chuyên ngành thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư về quản lý thực hiện dự án từ khi dự án được phê duyệt đến khi bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

Trường hợp cần thiết, Ban quản lý dự án chuyên ngành có thể được giao thực hiện các công việc của giai đoạn chuẩn bị đầu tư hoặc các nhiệm vụ khác của Chủ đầu tư quy định tại Điều 14 của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP của Chính phủ.

2.3. Điều kiện về năng lực chuyên môn của Ban quản lý dự án chuyên ngành:

a) Giám đốc phải có bằng đại học trở lên, có năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu về quản lý thực hiện dự án, có kinh nghiệm làm công tác quản lý từ hai dự án trở lên.

b) Trưởng các phòng, ban nghiệp vụ phải có bằng đại học trở lên, chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung công việc được giao phụ trách.

c) Ban quản lý dự án chuyên ngành phải có lực lượng chuyên môn về kỹ thuật, công nghệ, kinh tế và pháp luật đảm bảo đủ năng lực để quản lý thực hiện các dự án được giao đạt chất lượng và hiệu quả.

IV. HÌNH THỨC CHÌA KHÓA TRAO TAY

1. Hình thức Chìa khóa trao tay được áp dụng khi Chủ đầu tư được phép tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu thực hiện tổng thầu toàn bộ

dự án từ khảo sát, thiết kế, mua sắm vật tư thiết bị, xây lắp cho đến khi bàn giao đưa dự án vào khai thác sử dụng.

Đối với các dự án sử dụng các nguồn vốn quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP của Chính phủ thì hình thức này chỉ áp dụng đối với dự án nhóm C, các trường hợp khác phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

2. Trách nhiệm quản lý thực hiện dự án:

2.1. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

- a) Làm thủ tục trình duyệt các nội dung của dự án;
- b) Tổ chức đấu thầu để lựa chọn tổng thầu;
- c) Ký kết và thực hiện hợp đồng đã ký với nhà thầu;
- d) Tổ chức việc thực hiện giải phóng mặt bằng để bàn giao mặt bằng xây dựng cho nhà thầu theo tiến độ trong hợp đồng và các quy định của pháp luật;
- e) Đảm bảo vốn để thanh toán theo kế hoạch và hợp đồng kinh tế;
- g) Giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án;
- h) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Chủ đầu tư theo quy định tại Điều 14 của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP.

2.2. Nhà thầu có trách nhiệm:

- a) Thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư;
- b) Chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về tiến độ, chất lượng, giá cả và các yêu cầu khác của dự án theo đúng hợp đồng đã ký kết;
- c) Trường hợp có giao thầu lại cho các thầu phụ thì phải thực hiện đúng cam kết trong hồ sơ dự thầu và hợp đồng do tổng thầu đã ký với Chủ đầu tư;

d) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về quá trình thực hiện dự án cho đến khi bàn giao cho Chủ đầu tư khai thác, vận hành dự án;

e) Thực hiện bảo hành công trình và các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

V. HÌNH THỨC TỰ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Hình thức Tự thực hiện dự án chỉ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

1.1. Chủ đầu tư có đủ năng lực hoạt động sản xuất, xây dựng phù hợp với yêu cầu của dự án và dự án sử dụng vốn hợp pháp của chính Chủ đầu tư như vốn tự có của doanh nghiệp, vốn tự huy động của các tổ chức, cá nhân, trừ vốn vay của các tổ chức tín dụng.

1.2. Chủ đầu tư có đủ năng lực hoạt động sản xuất, xây dựng phù hợp với yêu cầu của dự án trồng mới, chăm sóc cây trồng hàng năm, nuôi trồng thủy sản (thuộc ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp), giống cây trồng vật nuôi, khai hoang xây dựng đồng ruộng, duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên các công trình xây dựng, thiết bị sản xuất.

2. Khi thực hiện hình thức tự thực hiện dự án (tự sản xuất, tự xây dựng), Chủ đầu tư phải tổ chức giám sát chặt chẽ việc sản xuất, xây dựng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng, giá cả của sản phẩm và công trình xây dựng.

3. Chủ đầu tư có thể sử dụng bộ máy quản lý của mình hoặc sử dụng Ban quản lý dự án trực thuộc để quản lý thực hiện dự án, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm và chất lượng công trình xây dựng.

VI. KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

1. Kiểm tra, thanh tra:

1.1. Cơ quan quản lý xây dựng của các Bộ, ngành

và địa phương có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức quản lý thực hiện dự án theo Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này.

1.2. Thanh tra xây dựng các cấp thực hiện việc thanh tra các vi phạm về quản lý thực hiện dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Việc thanh tra phải thực hiện theo pháp luật về thanh tra, khi kết thúc thanh tra phải có văn bản kết luận, nếu phát hiện có sai phạm thì phải đề nghị xử lý theo pháp luật.

2. Xử lý các vi phạm:

Cơ quan quản lý xây dựng các cấp, Chủ đầu tư, các tổ chức quản lý thực hiện dự án, các tổ chức tư vấn đầu tư xây dựng, các doanh nghiệp xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan nếu làm trái các quy định về quản lý thực hiện dự án tại Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu lực:

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế các nội dung hướng dẫn về các hình thức quản lý thực hiện dự án đầu tư và xây dựng tại Thông tư số 01/2000/TT-BXD ngày 01/3/2000 của Bộ Xây dựng.

2. Xử lý chuyển tiếp:

2.1. Các hình thức quản lý thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền quyết định theo các Nghị định số 42/CP ngày 16/7/1996 và Nghị định số 92/CP ngày 23/8/1997 tiếp tục thực hiện theo quy định tại hai Nghị định trên và hướng dẫn tại Thông tư số 18/BXD-VKT ngày 10/6/1995 của Bộ Xây dựng cho đến khi kết thúc dự án.

2.2. Hình thức Tự thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền quyết định theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP nhưng đến ngày Nghị định số 12/2000/NĐ-CP có hiệu lực mà vẫn chưa triển khai thực hiện thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 12/2000/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

2.3. Các hình thức quản lý thực hiện dự án khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/1999/NĐ-CP và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP của Chính phủ và theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan trung ương của các đoàn thể, các Tổng công ty nhà nước và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức quản lý thực hiện dự án theo quy định tại Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Xây dựng để xem xét giải quyết./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN MẠNH KIỂM

QUYẾT ĐỊNH số 23/2000/QĐ-BXD ngày 13/11/2000 về việc ban hành Quy chế cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình.

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày